

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25 tháng 02 năm 2026
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phụng, ông Trịnh Văn Bé.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân kh vực 11, tỉnh An Giang gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 464/2025/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67A/2026/QĐST-HN, ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Phan Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Hồng N và ông Lê Văn Đ do quen biết, tìm hiểu nhau trước, cả hai đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) vào ngày 02/11/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được và

vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà **N** yêu cầu được ly hôn với ông **Đ** (Trước đây bà có làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông **Đ** và được Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay Tòa án nhân dân khu vực 11, An Giang) giải quyết bằng bản án số 196/2022/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 7 năm 2022, không chấp nhận cho bà ly hôn với ông **Lê Văn Đ**). Nay bà làm đơn khởi kiện lại xin ly hôn với ông **Lê Văn Đ**.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Lê Thành N1**, sinh ngày 26/8/2020, hiện đang sống với ông **Đ**. Tại đơn khởi kiện trước đây bà **N** có yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông **Đ** cấp dưỡng nuôi con. Do cháu **N1** hiện đang sống với ông **Đ** nên bà đồng ý để ông **Đ** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Lê Văn Đ** đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông **Lê Văn Đ** đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn bà **Phan Hồng N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **Lê Văn Đ** vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Phan Hồng N** đối với ông **Lê Văn Đ**. Về con chung: Ông **Lê Văn Đ** được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên **Lê Thành N1**, sinh ngày 26/8/2020; bà **N** không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà **Phan Hồng N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Lê Văn Đ** nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông **Lê Văn Đ** với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại **ấp B, xã H, tỉnh An Giang** nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 11, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà **Phan Hồng N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông **Lê Văn Đ** vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà **Phan Hồng N** và ông **Lê Văn Đ** là tự nguyện; vợ chồng có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang)** đúng theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về yêu cầu xin ly hôn của bà **N**: Bà **N** cho rằng trong cuộc sống vợ chồng thì giữa bà với ông **Lê Văn Đ** phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà **N** hiện không sống chung với ông **Đ**. Trước đây bà **N** đã từng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Đ** nhưng Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà; nay bà khởi kiện lại và yêu cầu xin ly hôn với ông **Đ**. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **Đ** biết về việc bà **N** xin ly hôn với ông cũng như tạo điều kiện để ông **Đ**, bà **N** hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông **Đ** không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không có ý kiến đối với việc bà **N** xin ly hôn; điều này chứng tỏ ông **Đ** không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà **N** yêu cầu được ly hôn với ông **Đ** là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Lê Thành N1**, sinh ngày 26/8/2020, hiện đang sống với ông **Đ**, khi ly hôn bà **N** để ông **Đ** tiếp tục được nuôi con chung và bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông **Đ** đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nuôi con nhưng ông **Đ** không đến tòa, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông **Đ**, nhận thấy ông **Đ** không tham dự phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án xem như ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của

mình, do đó, Tòa án căn cứ vào chứng cứ cũng như ý kiến mà nguyên đơn cung cấp mà chấp nhận yêu cầu của bà N để ông Đ được tiếp tục nuôi con và bà N không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này giữa ông Đ với bà N có tranh chấp về con chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Bên cạnh việc được nuôi dưỡng con chung thì ông Đ và các thành viên gia đình ông Đ phải tạo điều kiện để bà N được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do bà Phan Hồng N không yêu nên không xét đến.

[3] Về án phí: Bà Phan Hồng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Hồng N với ông Lê Văn Đ.
2. Về con chung: Có một con chung tên Lê Thành N1, sinh ngày 26/8/2020;

Ông Lê Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung tên Lê Thành N1, sinh ngày 26/8/2020. Ông Đ và các thành viên gia đình ông Đ phải tạo điều kiện để bà Phan Hồng N được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phan Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0011004 ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà N đã thực hiện xong.

Bà Phan Hồng N, ông Lê Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa Đông thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật

thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Hội An;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền